

CÂN ĐỐI THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GOVERNMENT BUDGET BALANCE

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Items	Quyết toán 2014
No			(Final Account 2014)
A	Thu NSNN và viện trợ	State budget revenues and grants	877.697
1	Thu từ thuế và phí	Taxes and Fees	820.491
2	Thu về vốn	Capital revenues	46.156
3	Thu viện trợ không hoàn lại	Grants	11.050
B	Thu huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	Revenues mobilized for investment under Point 3 Article 8 - The State budget Law	21.044
C	Thu kết chuyển	Brought forward revenues	231.868
D	Tổng chi ngân sách nhà nước (không bao gồm chi trả nợ gốc)	Total state expenditures (excl. principal repayment)	1.039.579
	Trong đó:		
1	Chi đầu tư phát triển	Investment and development expenditures	248.452
2	Chi thường xuyên	Current expenditures	791.127
3	Dự phòng	Contingencies	
E	Chi kết chuyển năm sau	Brought forward expenditures	235.506
F	Chi trả nợ gốc	Principal repayment	64.404
G	Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương	Balance of local budgets	40.482
H	Bội chi ngân sách (không gồm nợ gốc) (D+E+G-A-B-C)	Budget deficit (excl. principal repayment)	184.958
	<i>Bội chi so với GDP (%)</i>	<i>Budget deficit/GDP (%)</i>	<i>4,7%</i>
I	Bội chi ngân sách theo phân loại của Việt Nam (H+F)	Budget deficit (classified by Vietnam)	249.362
	<i>Bội chi so với GDP (%)</i>	<i>Budget deficit/GDP (%)</i>	<i>6,3%</i>